| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN CHỢ LÁCH**<br>TỈNH BẾN TRE | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 205/2022/HN-ST
Ngày: 16-8-2022
V/v "*Yêu cầu không công nhận là vợ chồng"*

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ LÁCH, TỈNH BẾN TRE**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Nguyễn Chí Đức.

*Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Ông Trần Tất Linh;

2. Bà Bùi Thị Thúy Bắc.

***- Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Diễm My - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách.

Ngày 16 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 172/2022/TLST - HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2022, về việc: "*Yêu cầu không công nhận là vợ chồng*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 106/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 01 tháng 8 năm 2022, giữa:

*1. Nguyên đơn:*

Chị Phan Thị Mỹ D, sinh năm 1982; Nơi cư trú: ấp P H, xã V B, huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre.

*2. Bị đơn:*

Anh Nguyễn Kiến C, sinh năm 1974; Nơi cư trú: ấp P H, xã V B, huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre.

(Chị D, anh C có yêu cầu xét xử vắng mặt)

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 20/6/2022, văn bản trình bày ý kiến, biên bản hòa giải, nguyên đơn chị D trình bày:*

Chị và anh Nguyễn Kiến C tìm hiểu tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 1998 nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định. Quá trình chung sống, cuộc sống hạnh phúc đến năm 2005 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau, dẫn đến cả hai không còn quan tâm đến nhau; từ đó chị và anh C đã sống ly thân từ năm 2005 cho đến nay. Nay chị xác định không còn tình cảm và không muốn sống chung với anh C nên yêu cầu Tòa án không công nhận chị và anh C là vợ chồng. Chị không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng sau khi không công nhận là vợ chồng.

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Hồng L, sinh ngày 19/4/1999 và Nguyễn Hồng P, sinh ngày 07/7/2001 đều đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

*Theo Văn bản trình bày ý kiến, biên bản hòa giải, bị đơn anh C trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh thống nhất với lời trình bày của chị D về điều kiện, thời gian chung sống với nhau và nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn. Nay anh và chị D không hàn gắn được tình cảm vợ chồng, tình cảm đối với nhau không còn nên anh đồng ý không công nhận anh và chị D là vợ chồng. Anh không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng sau khi không công nhận là vợ chồng.

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Hồng L, sinh ngày 19/4/1999 và Nguyễn Hồng P, sinh ngày 07/7/2001 đều đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn chị Phan Thị Mỹ D, bị đơn anh Nguyễn Kiến C có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt chị D và anh C là phù hợp.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị D và anh C tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1998 nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Mặc dù từ năm 1998 đến nay anh chị có đủ điều kiện đăng ký kết hôn, thế nhưng đến nay anh chị vẫn không đăng ký kết hôn nên căn cứ theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì chị D và anh C không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Theo chị D, quá trình chung sống hạnh phúc đến năm

2005 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống. Chị D và anh C đã sống ly thân từ năm 2005 đến nay. Nay chị D xác định tình cảm không còn nên yêu cầu không công nhận chị với anh C là vợ chồng.

Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị D và anh C thực tế là có xảy ra và giữa hai người có thời gian sống ly thân từ năm 2005 đến nay, với khoảng thời gian dài trên cũng đủ cho anh, chị suy nghĩ lại tình cảm thế nhưng cả hai cũng không tìm cho mình một biện pháp nào để khắc phục mâu thuẫn, hàn gắn lại tình cảm. Điều đó cho thấy tình trạng mâu thuẫn giữa chị D và anh C là đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài. Quá trình giải quyết vụ án, chị D vẫn cương quyết yêu cầu Tòa án không công nhận chị và anh C là vợ chồng và anh C cũng đồng ý không công nhận anh và chị D là vợ chồng. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu không công nhận chị D với anh C là vợ chồng là phù hợp theo quy định tại điểm c mục 3 Nghị quyết 35/2010/QH10 ngày 09 tháng 6 năm 2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 và Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình 2014.

[3] Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Hồng L, sinh ngày 19/4/1999 và Nguyễn Hồng P, sinh ngày 07/7/2001 đều đã trưởng thành nên không xét đến.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Hai bên khai không có nên không xét đến.

[5] Về án phí: Căn cứ Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Chị D phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng.

*Vì các lẽ trên:*

## QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 28, 147 và 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 9 và Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 của nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1/. Chấp nhận yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng của chị Phan Thị Mỹ D đối với anh Nguyễn Kiến C. Cụ thể tuyên:

Không công nhận chị Phan Thị Mỹ D với anh Nguyễn Kiến C là vợ chồng. Ghi nhận chị D và anh C không yêu cầu giải quyết cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

2/. Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Hồng L, sinh ngày 19/4/1999 và Nguyễn Hồng P, sinh ngày 07/7/2001 đều đã trưởng thành nên không xét đến.

3/. Về tài sản chung, nợ chung: Hai bên khai không có nên không xét đến.

4/. Về án phí: Chị Phan Thị Mỹ D phải chịu là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị D đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006980 ngày 29/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre. Chị D đã nộp đủ án phí.

5/. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

***<u>Nơi nhận</u>***:
*- Các đương sự;*
*- VKSND huyện Chợ Lách;*
*- Chi cục T.H.A DS huyện Chợ Lách;*
*- Cơ quan đăng ký kết hôn;*
*- Lưu HSVA+VP.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Chí Đức**